

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**PHAN MINH PHỤNG**

**QUYỀN HỌC TẬP CỦA NGƯỜI  
THUỘC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính**

**Mã số : 62 38 01 02**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

Công trình được hoàn thành tại:  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**Người hướng dẫn khoa học:**

**PGS. TS. Đinh Ngọc Vượng**

Phản biện 1: GS.TS. Phạm Hồng Thái

Phản biện 2: GS.TS. Thái Vĩnh Thắng

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vào hồi .... giờ ... ngày .... tháng ..... năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bài báo khoa học: Vai trò của giáo dục đối với việc thực hiện và bảo vệ quyền con người, Tạp chí khoa học xã hội, số 07 (143)/2010.
2. Bài viết Hội thảo khoa học: Thay đổi tích cực trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 về quyền con người, quyền công dân (Tạp chí Cộng sản, tháng 3/2013).
3. Bài báo khoa học: Chính sách giáo dục dân tộc trước yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam, Tạp chí khoa học quản lý giáo dục, số 01/2014.
4. Bài báo khoa học: Những bước tiến mới trong việc bảo đảm quyền học tập của người DTIN ở Việt Nam, Tạp chí khoa học quản lý giáo dục, số 03/2014.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, giáo dục luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân, tập thể, cộng đồng, dân tộc. Giáo dục làm tăng quyền năng cho mọi cá nhân, nhờ đó, người lớn và trẻ em, những người bị gạt ra ngoài lề cả về mặt kinh tế và xã hội, có thể tự mình thoát khỏi nghèo đói và nắm bắt được những phương tiện để tham gia đầy đủ vào đời sống cộng đồng. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao quyền năng cho phụ nữ, bảo vệ trẻ em không bị bóc lột lao động, không bị lạm dụng tình dục, thúc đẩy quyền con người và dân chủ, bảo vệ môi trường và kiểm soát tăng trưởng dân số. Xuất phát từ vai trò to lớn đó, nên ngay từ trước khi Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) ra đời, tức là trước khi vấn đề xác định các quyền con người được đặt ra, giáo dục đã được coi như một trong những quyền tự nhiên của con người. Đến năm 1948, Liên Hiệp quốc thông qua UDHR, trong số các quyền con người cơ bản mà Tuyên ngôn ghi nhận có quyền học tập.

Kể từ khi được chấp nhận trên bình diện quốc tế đến nay, quyền học tập của công dân đã được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế. Nhiều quốc gia đã xây dựng được những cơ chế giám sát, thúc đẩy việc thực hiện và bảo vệ quyền này đồng thời chủ động trợ giúp các Chính phủ trên thế giới thực hiện những trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền học tập tại các quốc gia trên thế giới có sự khác nhau. Và trong quá trình các quốc gia thực thi quyền học tập, các nghiên cứu quốc tế cũng chỉ ra rằng, có một số nhóm phải đối diện với những khó khăn trong tiếp cận đầy đủ quyền học tập trên cơ sở bình đẳng. Các nhóm này bao gồm phụ nữ, bé gái, người khuyết tật, người thuộc dân tộc ít người (DTIN).v.v. và họ đã trở thành tâm điểm của mối quan tâm và hành động quốc tế, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó có 53 DTIN, chiếm khoảng 13,8% dân số cả nước. Nhà nước Việt Nam ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của các DTIN, trong đó có quyền học tập. Sau ba mươi năm đổi mới, việc thực thi quyền học tập của người thuộc

DTIN ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Tuy nhiên, so với dân tộc Kinh (dân tộc chiếm đa số) thì việc tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập của người thuộc các DTIN ở Việt Nam vẫn chưa đầy đủ.

Làm gì để tăng cường quyền học tập cho người thuộc DTIN ở Việt Nam không chỉ là nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta mà đây còn là vấn đề của toàn xã hội. Vì lẽ đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc vấn đề ***“Quyền học tập của người thuộc dân tộc ít người ở Việt Nam”*** trên cả phương diện lý luận và thực tiễn đang là vấn đề thời sự và mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là lý do tác giả quyết định chọn nội dung này làm chủ đề nghiên cứu cho luận án tiến sĩ.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận án là nhằm làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam. Từ đó, đưa ra các định hướng, các luận cứ khoa học nhằm kiến nghị các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án xác định ba nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

- *Thứ nhất*, tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung quyền học tập của người thuộc DTIN; cơ sở pháp lý và các điều kiện bảo đảm quyền học tập; phân tích kinh nghiệm một số quốc gia về bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN.

- *Thứ hai*, phân tích, đánh giá thực tiễn tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam; thực trạng bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam. Qua đó, làm sáng tỏ nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế, đặc biệt là những thách thức, rào cản trong quá trình tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong thời gian qua.

- *Thứ ba*, xác định phương hướng, đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam dưới góc độ khoa học Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*- Phạm vi nghiên cứu về nội dung:*

Luận án tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận; thực trạng tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập; thực trạng bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

*- Phạm vi nghiên cứu về không gian, thời gian:*

Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến quyền học tập của người thuộc DTIN tại một số địa phương có đông đồng bào DTIN sinh sống thuộc các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam trong khoảng thời gian từ những năm 2000 trở lại đây.

### **4. Phương pháp nghiên cứu và hướng tiếp cận của đề tài**

#### **4.1. Phương pháp nghiên cứu**

Ngoài các phương pháp nghiên cứu truyền thống như duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu tiếp cận dựa trên quyền; phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống liên ngành, luật học so sánh, kết hợp lý luận với thực tiễn, điều tra xã hội học và phương pháp chuyên gia, chuyên khảo...để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu trong phạm vi luận án.

#### **4.2. Hướng tiếp cận của đề tài**

Bên cạnh nghiên cứu các vấn đề lý luận về quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam, luận án tập trung nghiên cứu thực tiễn bảo đảm, bảo vệ quyền học tập từ phía nhà nước và thực tiễn tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong thời gian qua, đặc biệt là 5 năm gần đây (2010-2015). Từ đó đánh giá một cách khách quan những kết quả đã đạt được cùng với những khó khăn, rào cản phát sinh làm

trở ngại việc thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN; đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### **5. Những điểm mới của luận án**

- *Một là*, Luận án sử dụng quan điểm tiếp cận là đặt các vấn đề nghiên cứu theo phương pháp tiếp cận dựa trên quyền. Đây là phương pháp tiếp cận mới, có ý nghĩa thiết thực trong đánh giá mức độ bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN trên thực tế.

- *Hai là*, từ lý luận về quyền học tập của người thuộc DTIN nói chung, luận án đưa ra các khái niệm, đặc điểm, nội dung quyền học tập và những điều kiện để bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam. Qua đó, khái quát các quy định pháp luật quốc tế và trong nước về quyền học tập của người thuộc DTIN; trình bày một số kinh nghiệm quốc tế trong bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN.

- *Ba là*, phân tích, làm rõ thực tiễn tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập và thực trạng bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam đồng thời đánh giá một cách khách quan những thành tựu và hạn chế, những thách thức và rào cản phát sinh làm trở ngại việc thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN.

- *Bốn là*, xác định các yêu cầu, định hướng cơ bản và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

- Về mặt khoa học: Luận án góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ đóng góp, bổ sung các luận chứng khoa học cho việc nghiên cứu về quyền học tập của công dân nói chung và của người thuộc DTIN ở Việt Nam nói riêng.

- Về mặt thực tiễn: Luận án là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn bảo đảm quyền học tập của công dân nói chung và của người thuộc DTIN ở Việt Nam nói riêng. Các kết quả nghiên cứu của luận án còn là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, vận dụng trong quá trình hoạch định các chủ trương, chính sách, hoàn thiện cơ



chế pháp lý nhằm tăng cường bảo đảm quyền học tập cho người thuộc DTIN ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

## **7. Cơ cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận án được cơ cấu thành 4 chương:

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu.

*Chương 2:* Cơ sở lý luận về quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam.

*Chương 3:* Thực trạng quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam.

*Chương 4:* Phương hướng và một số giải pháp tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

#### **1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài**

- Ở góc độ nghiên cứu về lý luận quyền học tập có các công trình như: (1) Delbruck, Jost, 1992, *The right to education as an international human right* (Quyền giáo dục như là một quyền con người); (2) Fernadez, Alfred và Siegfried Jenkner, 1995, *International Declarations and Conventions on the Right to education and the Freedom of Education* (Các tuyên bố và công ước quốc tế về quyền giáo dục và tự do giáo dục); (3) Douglas Hodgson, 1998, *The Human Right to Education* (Quyền về giáo dục của con người); (4) Nowak, Manfred, 2001, *The right to education in the economic, social and cultural* (Quyền giáo dục trong các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa); (5) Coomans, Fons, 1995, *Identifying the Key Elements of the Right to Education* (Xác định những thành tố cơ bản của quyền giáo dục); (6) Coomans, Fons, 1998, *Identifying Violations of the Right to Education, Right to Education* (Xác định những vi phạm về quyền giáo dục); (7) Wolfgang Benedek, 2006, *Understanding human rights* (Tìm hiểu về quyền con người). Các công trình, tài liệu này tập trung nghiên cứu về

các vấn đề lý luận về quyền học tập, trong đó có khái quát về đặc điểm, nội dung, các thành tố cơ bản tạo nên quyền học tập.

- Ở góc độ nghiên cứu về thực tiễn quyền học tập, có các công trình như: (1) Katarina Tomasevski, 2001, *Removing Obstacles in the Way of the Right to Education* (Loại bỏ các rào cản trong thực hiện quyền giáo dục); (2) Katarina Tomasevski, 2001, *Free and Compulsory Education for all Children: the Gap between Promise and Performance* (Giáo dục miễn phí và bắt buộc cho tất cả các trẻ em: khoảng cách giữa lời hứa và hiệu suất); (3) Unesco – Unicef, 2007, *A Human Rights Based Approach to Education for All* (Một phương pháp tiếp cận dựa trên quyền để đạt giáo dục cho tất cả mọi người); (4) Factsheets & Briefs, 2007, *Why Can't I Afford to Go to School?* (Tại sao tôi không thể đến trường); (5) *Sách xanh về giáo dục Trung Quốc*. Các công trình, tài liệu này tập trung nghiên cứu về thực tiễn quyền giáo dục ở một số nơi trên thế giới; các rào cản trong thực hiện quyền giáo dục; tầm quan trọng của các hỗ trợ chính trị, kinh tế và pháp lý từ phía các Chính phủ để thực hiện đạt các mục tiêu giáo dục cho mọi người trong thực tế.

- Ở góc độ nghiên cứu về giải pháp tăng cường quyền học tập, có các công trình như: (1) Beiter, Klaus-Dieter. 2006. *The Protection of the Right to Education by International Law* (Bảo vệ quyền giáo dục thông qua luật quốc tế); (2) UNESCO, 2008, *The Right to Primary Education Free of Charge for All: ensuring compliance with international obligations* (Quyền Giáo dục Tiểu học Miễn phí cho tất cả: đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế). Hai tài liệu này đề cập đến các quy định của pháp luật và kết quả biểu hiện trên thực tiễn thi hành và giải pháp đặt ra là nhà nước cần cung cấp nguồn lực và một khuôn khổ pháp lý để đạt giáo dục tiểu học bắt buộc, miễn phí và giáo dục căn bản đến được với tất cả mọi người.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước**

Nghiên cứu về quyền con người nói chung và quyền học tập nói riêng hiện đã trở thành mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước. Ở góc độ nghiên cứu có liên quan đến lý luận quyền học tập, có các công trình như: (1) GS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), 2009, *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*; (2) Nguyễn Đăng Dung, Vũ

Công Giao, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên), 2009, *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về quyền con người*; (3) UNIFEM, 2009, *Quyền của người thiểu số và dân tộc bản địa*; (4) GS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), 2010, *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học (tập I, II)*; (5) GS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), 2011, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền Kinh tế, Văn hóa và Xã hội*; (6) GS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), 2011, *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*; (7) Bộ Tư pháp, 2014, *Quyền con người trong Hiến pháp năm 2013, quan điểm mới, cách tiếp cận mới và các quy định mới*; (8) Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, *Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*; (9) Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, *Giới thiệu công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR, 1966)*; (10) PGS.TS. Mai Hồng Quỳ (Chủ biên), TS. Phạm Trí Hùng, TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Biên soạn), *Tìm hiểu về quyền học tập như quyền cơ bản của con người*; Vũ Ngọc Phương, 2015, *Quyền được học tập của trẻ em dân tộc thiểu số từ thực tiễn tỉnh Lào Cai*; Nguyễn Thị Tố Như, 2014, *Bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay*; Nguyễn Thị Hòa (2011), *Đảm bảo quyền học tập trong cơ chế thị trường*. Các công trình, tài liệu này đã nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền học tập ở góc độ lý luận, cung cấp cho luận án những tư liệu tốt để nghiên cứu phần lý luận thuộc chương 2 luận án.

- Ở góc độ nghiên về thực tiễn quyền học tập, có các công trình như: (1) Trần Thị Hòe, Vũ Công Giao (Chủ biên), 2011, *Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam*; (2) Nguyễn Thị Phương Thuý, *Thực hiện chính sách dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*; (3) Phạm Văn Dũng, *Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số của nước ta hiện nay*; (4) Unicef, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013, *Báo cáo Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam*; (5) Tài liệu từ Hội thảo quốc tế "Cơ chế đảm bảo quyền con người cho các DTIN ở Việt Nam và kinh nghiệm ở một số nước châu Âu, khu vực Đông Nam Á"; (6) Tài liệu từ Hội thảo "Nhân quyền trong dân tộc thiểu số, thực trạng và giải pháp nhằm đảm bảo quyền người của người dân tộc thiểu số trong tình hình hiện nay". Các công trình, tài liệu này đã

nghiên cứu các vấn đề liên quan đến thực tiễn quyền học tập, tình trạng tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập và thực trạng bảo đảm quyền học tập của công dân nói chung, người thuộc DTIN nói riêng, cung cấp cho luận án những tư liệu tốt để nghiên cứu phần thực trạng thuộc chương 3 luận án.

- Ở góc độ nghiên cứu về giải pháp tăng cường quyền học tập, hiện nay, công trình khoa học về vấn đề này không nhiều, ngoài một số chủ trương, quan điểm, giải pháp tác giả tiếp cận được đã đề xuất lồng ghép trong nội dung các công trình khoa học trong phần lý luận và thực tiễn nêu trên, luận án tiếp cận được chủ yếu là các bài viết đăng trên các Tạp chí chuyên ngành. Những bài viết này sơ lược đánh giá những kết quả, tồn tại đồng thời tập trung đề xuất những giải pháp, chính sách nhằm tăng cường năng lực của nhóm này để họ có thể đón nhận được những cơ hội, có thể tự quyết định lựa chọn của mình, chủ động tiếp nhận và thụ hưởng quyền giáo dục, đã cung cấp cho luận án những tư liệu tốt để nghiên cứu phần giải pháp thuộc chương 4 luận án.

### **1.3. Đánh giá về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án**

#### **1.3.1. Những thành tựu trong nghiên cứu mà luận án kế thừa, phát triển**

*Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu về quyền học tập ở nước ngoài mà luận án tiếp cận được phần lớn mới chỉ giải quyết được một số nội dung về cơ sở lý luận của quyền học tập như sự ra đời, hành trình lịch sử của quyền học tập, quyền học tập trong hệ thống quyền con người, sự ghi nhận của Luật quốc tế về quyền học tập; xác định những hành vi vi phạm quyền học tập, lợi ích của cộng đồng khi thụ hưởng quyền học tập.v.v. Một số công trình, đặc biệt là các bài viết của các tác giả nước ngoài cũng đã đề cập một cách sơ lược đến thực tiễn quyền và từ đó đặt ra các yêu cầu, giải pháp để làm cho giáo dục sẵn có, dễ tiếp cận, có thể chấp nhận và thích nghi với người học.

*Thứ hai*, những công trình nghiên cứu về quyền học tập ở trong nước mà nghiên cứu sinh tiếp cận được đa phần cũng là những nghiên cứu quyền học tập một cách chung chung lồng ghép là một nội dung nghiên cứu về quyền con người trong nhóm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Hiện nay, vẫn còn khá ít tư liệu nghiên cứu về quyền học tập, phần lớn các tư liệu là

công trình, bài viết về thực tiễn tổ chức thực hiện công tác học tập, giảng dạy, quản lý nhà nước về giáo dục vùng DTIN.

### **1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

- *Thứ nhất*, làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, các điều kiện bảo đảm quyền học tập; cơ sở pháp luật quốc tế và quốc gia về quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam cũng như kinh nghiệm quốc tế trong bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam.

- *Thứ hai*, phân tích, đánh giá thực tiễn tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam; thực trạng bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam; chỉ ra nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế, đặc biệt là làm sáng tỏ các rào cản đang trực tiếp tác động đến việc thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam.

- *Thứ ba*, xác định sự cần thiết, phương hướng tăng cường bảo đảm quyền học tập và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

## **1.4. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu**

### **1.4.1. Cơ sở lý thuyết**

Cơ sở lý thuyết làm phương pháp luận cho nghiên cứu là những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, về giáo dục và đào tạo; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; các học thuyết về quyền con người trên thế giới; các tuyên ngôn, tuyên bố, các công ước quốc tế về quyền học tập, về quyền của người thiểu số, phụ nữ và trẻ em; các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến lĩnh vực quyền học tập; xu hướng phát triển của quyền học tập trên thế giới.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, trên cơ sở tình hình nghiên cứu đề tài, luận án đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu trọng tâm sau:

*Thứ nhất*, quyền học tập của người thuộc DTIN vừa là quyền con người vừa là quyền cơ bản của công dân?

*Thứ hai*, quyền học tập của người thuộc DTIN đã được ghi nhận đầy đủ trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia?

*Thứ ba*, việc thực thi quyền học tập của người thuộc DTIN phụ thuộc vào các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền? người thuộc DTIN là một chủ thể đặc biệt mà nhà nước cần quan tâm, bảo đảm quyền học tập?

*Thứ tư*, mức độ tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN không chỉ phụ thuộc vào trách nhiệm của nhà nước, của xã hội mà còn phụ thuộc vào năng lực của chính chủ thể quyền - người thuộc DTIN?

*Thứ năm*, người thuộc DTIN ở Việt Nam hiện vẫn chưa thực hiện quyền học tập của mình một cách đầy đủ?

*Thứ sáu*, tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết hiện nay?

#### **1.4.2. Giả thuyết nghiên cứu**

*Giả thuyết 1:* Quyền học tập của người thuộc DTIN vừa là quyền con người vừa là quyền cơ bản của người thuộc DTIN đã được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

*Giả thuyết 2:* Người thuộc DTIN là một chủ thể đặc biệt - những người thuộc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, cho nên việc bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN phụ thuộc rất nhiều vào nhà nước.

*Giả thuyết 3:* Trong thực tiễn, người thuộc DTIN ở Việt Nam đang gặp nhiều rào cản, thiếu các cơ hội tiếp cận và thụ hưởng quyền học tập một cách đầy đủ và ngang bằng với người Kinh.

*Giả thuyết 4:* Bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay rất cần các giải pháp đồng bộ như tăng cường ghi nhận quyền; tăng cường các điều kiện bảo đảm về chính trị, kinh tế, luật pháp; đặc biệt là tăng cường nâng cao nhận thức của người thuộc DTIN về vai trò của quyền học tập đối với bản thân, gia đình và xã hội để họ chủ động tiếp cận và thụ hưởng quyền đầy đủ hơn.

## **Chương 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN HỌC TẬP**

#### **CỦA NGƯỜI THUỘC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

#### **2.1. Khái niệm, đặc điểm và nội dung quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

##### **2.1.1. Khái niệm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Quyền học tập của người thuộc DTIN là quyền cơ bản của công dân thuộc DTIN được tiếp nhận, thụ hưởng một cách bình đẳng việc giảng dạy, đào tạo, hướng dẫn từ cơ bản đến nâng cao; được học mọi lúc, mọi nơi, thường xuyên, suốt đời mà không một ai có thể ngăn cản hay hạn chế; không bị giới hạn bởi lứa tuổi, giới tính, tôn giáo, thành phần xuất thân hay địa vị xã hội nhằm trau dồi kiến thức và phát triển trí tuệ, thỏa mãn các nhu cầu cuộc sống, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cũng như để bảo vệ và thực hiện các quyền khác của người thuộc DTIN; được nhà nước tôn trọng, ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện.

### **2.1.2. Đặc điểm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

- *Thứ nhất*, chủ thể của quyền thuộc đối tượng dễ bị tổn thương.
- *Thứ hai*, cơ hội tiếp cận và thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN chịu nhiều tác động bởi các điều kiện khách quan và chủ quan.
- *Thứ ba*, mức độ thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN phụ thuộc nhiều vào nghĩa vụ tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ từ phía chủ thể có trách nhiệm.

### **2.1.3. Nội dung quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

- *Thứ nhất, nội hàm quyền học tập của người thuộc DTIN*

Quyền học tập của người thuộc DTIN với tính cách là quyền con người và quyền cơ bản của công dân, được hình thành bởi các quyền cơ bản gồm: quyền được tiếp nhận giáo dục; quyền học tập tiểu học; quyền học tập trung học; quyền học tập kỹ thuật và dạy nghề; quyền được hưởng giáo dục bậc cao và quyền học tập căn bản

- *Thứ hai, các nghĩa vụ của nhà nước trong việc thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN*

Để bảo đảm quyền học tập cho người thuộc DTIN, nhà nước có 03 nghĩa vụ lớn, gồm tôn trọng, bảo vệ và hỗ trợ thực hiện quyền.

+ *Nghĩa vụ tôn trọng*: đòi hỏi nhà nước phải ghi nhận quyền học tập của người thuộc DTIN, tránh ban hành và thực hiện các chính sách ngăn trở việc thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN. Bên cạnh đó, phải tôn trọng quyền tự do của phụ huynh trong việc lựa chọn trường công hay tư cho con em mình và đảm bảo giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con em

phù hợp với khả năng nhận thức của chúng; đảm bảo tôn trọng nhu cầu học tập của con trai và con gái một cách bình đẳng.

+ *Nghĩa vụ bảo vệ*: đòi hỏi nhà nước phải có biện pháp thông qua luật pháp hoặc bằng các biện pháp khác nhằm ngăn ngừa không cho bên thứ ba ngăn trở việc thụ hưởng quyền này. Đồng thời đảm bảo các cơ sở giáo dục không thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử hoặc đưa ra hình phạt về thân thể gây tổn thương cho học sinh là người thuộc DTIN.

+ *Nghĩa vụ hỗ trợ*: đòi hỏi nhà nước phải cung cấp các dịch vụ, các vấn đề cần thiết khác để hỗ trợ cho người thuộc DTIN thụ hưởng quyền học tập theo đúng quy định.

## **2.2. Quyền học tập của người thuộc DTIN trong pháp luật quốc tế và Việt Nam**

### **2.2.1. Quyền học tập của người thuộc DTIN trong pháp luật quốc tế**

Quyền học tập nói chung và quyền học tập của người thuộc DTIN có cơ sở vững chắc trong luật pháp quốc tế về quyền con người. Quyền này đã được ghi nhận trong một số văn kiện quan trọng về quyền con người, mà rõ ràng và cụ thể nhất UDHR và ICESCR. Ngoài quy định tại hai văn bản trên, quyền học tập còn được ghi nhận trong các văn bản khác như Công ước quốc tế Quyền trẻ em (CRC); Công ước quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ.v.v. Đối với người thuộc DTIN, ngoài các văn bản nêu trên, còn một số văn bản quan trọng khác, trong đó có Công ước quốc tế về chống phân biệt đối xử trong giáo dục và Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc.

### **2.2.2. Quyền học tập của người thuộc DTIN trong pháp luật Việt Nam**

Ở Việt Nam, quyền học tập của công dân nói chung và người thuộc DTIN được nhà nước ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực thi. Nhà nước ta đã nội luật hóa, ghi nhận cơ bản đầy đủ các quy định của pháp luật quốc tế về quyền học tập của công dân nói chung và người thuộc DTIN nói riêng vào pháp luật quốc gia, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và rõ ràng cho công dân nói chung và người thuộc DTIN thực hiện quyền học tập của mình. Việt Nam đã ghi nhận quyền học tập của công dân nói chung và người thuộc DTIN nói riêng trong Hiến pháp và nhiều Luật liên quan, trong đó có: Luật Phổ cập giáo dục tiểu học; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;



Luật Giáo dục; Luật Giáo dục nghề nghiệp; Luật Bình đẳng giới. Nội dung quy định của các luật này thể hiện sự ghi nhận của Nhà nước đối với quyền học tập của công dân nói chung và người thuộc DTIN nói riêng; quy định trách nhiệm của nhà nước và các bên liên quan trong việc bảo đảm quyền học tập cho người thuộc DTIN cũng như những chính sách ưu tiên của nhà nước nhằm hỗ trợ cho người thuộc DTIN tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập.

### ***2.2.3. Mối quan hệ giữa quyền học tập với một số quyền khác của người thuộc DTIN ở Việt Nam***

Quyền học tập có mối liên hệ chặt chẽ với các quyền con người khác của người thuộc DTIN ở Việt Nam. Quyền học tập là điều kiện thực hiện và bảo vệ quyền con người, quyền công dân khác. Thông qua quyền học tập, con người được giáo dục nâng cao nhận thức, tri thức của bản thân mình về các quyền, từ đó có thể chủ động tham gia vào việc thực hiện, bảo đảm và bảo vệ các quyền ấy. Việc thực hiện tốt quyền học tập sẽ là tiền đề để thực hiện tốt những quyền khác và ngược lại, sự vi phạm quyền học tập sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến các quyền con người và quyền công dân khác.

### **2.3. Các điều kiện bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Việc tạo lập các điều kiện bảo đảm quyền học tập là nghĩa vụ của các quốc gia thành viên của UDHR và ICESCR và các công ước có liên quan. Khoản 1, Điều 2 ICESCR xác định, các quốc gia phải “cam kết tiến hành các hành động...bằng mọi biện pháp thích hợp, đặc biệt bao gồm cả việc thông qua các biện pháp lập pháp”. Mức độ tạo lập và sự hiện diện của các điều kiện bảo đảm quyền học tập ở mỗi quốc gia là khác nhau, phụ thuộc vào chế độ chính trị, chế độ pháp lý, trình độ phát triển về mặt kinh tế, xã hội của quốc gia, dân tộc. Có 04 điều kiện cơ bản thuộc về trách nhiệm nhà nước phải bảo đảm, gồm: bảo đảm về chính trị, pháp luật, kinh tế, hệ thống thiết chế. Đồng thời với các điều kiện này thì để bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN, một điều kiện tiên quyết, quan trọng luôn tồn tại là năng lực tiếp nhận, thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN.

## **2.4. Kinh nghiệm quốc tế trong việc bảo đảm quyền học tập của người thuộc dân tộc ít người**

Kinh nghiệm thực tiễn giáo dục DTIN các nước, đặc biệt các nước có đông người DTIN sinh sống như Trung Quốc, Malaysia, Australia .v.v đã chỉ ra rằng chính sách, pháp luật và ngân sách có vai trò quyết định trong việc hỗ trợ các nhóm DTIN đạt được mục tiêu giáo dục mong muốn. Việc thực hiện các cơ chế, chính sách và biện pháp nhằm bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở mỗi nước có sự khác nhau. Kinh nghiệm của từng nước cho thấy vẫn có những ưu, nhược khác nhau mà đòi hỏi nhà hoạch định chính sách phải có sự xem xét, nghiên cứu khi vận dụng vào điều kiện Việt Nam cho phù hợp với điều kiện đặc thù từng vùng, từng dân tộc.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG QUYỀN HỌC TẬP**

## **CỦA NGƯỜI THUỘC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Thực tiễn thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

#### **3.1.1. Thực tiễn thực hiện quyền được tiếp nhận giáo dục của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

- Về tình hình đi học, nhận thức của người thuộc DTIN về giá trị lâu dài của giáo dục hiện nay đã thay đổi, phần lớn người DTIN tự thực hiện quyền đi học hoặc tạo điều kiện cho con em thực hiện quyền đi học để tiếp nhận và thụ hưởng giáo dục. Tỷ lệ trẻ em DTIN được tiếp cận với giáo dục tăng dần qua các năm.

- Tỷ lệ nhập học đúng tuổi được duy trì ổn định. Tuy nhiên, khi so sánh với nhóm dân tộc Kinh thì tỷ lệ này có sự chênh lệch, càng về các cấp học sau tiểu học thì tỷ lệ đó càng cao.

- Khả năng đáp ứng của phía cung cấp giáo dục ngày càng tốt hơn.

- Trẻ em DTIN, nhất là trẻ em gái được nhập học và hoàn thành giáo dục phổ cập tiểu học bắt buộc; nhu cầu học tập của thanh niên và người lớn thông qua tiếp cận bình đẳng với các chương trình học tập và kỹ năng sống, bảo đảm tiếp cận bình đẳng về giáo dục cơ bản và giáo dục thường xuyên cho tất cả mọi người; từng bước xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng về giới ở bậc tiểu học và trung học.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên đây, thì vẫn còn nhiều người DTIN chưa thực hiện quyền được tiếp nhận giáo dục; tình trạng thôi học và trẻ em DTIN ngoài nhà trường còn khá cao, mức chi tiêu cho giáo dục tăng vượt khả năng đáp ứng của hộ gia đình và có quá nhiều rào cản xuất hiện trong quá trình thực hiện quyền được tiếp nhận giáo dục của người thuộc DTIN làm cho việc thực hiện quyền được tiếp nhận giáo dục của người thuộc DTIN trở nên khó khăn hơn.

#### **3.1.2. Thực tiễn thực hiện quyền được giáo dục tiểu học của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Thực tiễn trong những năm gần đây, quyền được giáo dục tiểu học của trẻ em DTIN được bảo đảm thực hiện, đạt nhiều kết quả tốt. Các số liệu thống kê chỉ ra rằng tỷ lệ trẻ em đi học tiểu học ở các vùng của Việt Nam

đều vượt 90%, nếu thống kê theo nhóm các DTIN thì con số này cũng khá cao, ngoài trừ dân tộc Mông, Khmer đạt gần dưới 80% đến hơn 85%, thì các dân tộc còn lại đều đạt ngưỡng trên 90%.

Bên cạnh kết quả này, thì những khó khăn thách thức trong việc thực hiện quyền được giáo dục tiểu học của trẻ em DTIN vẫn còn hiện hữu, làm gia tăng tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi này. Trong 7 nhóm DTIN được Báo cáo trẻ em ngoài nhà trường của Việt Nam phân tích, tỷ lệ TENNT cao nhất là ở dân tộc Mông, ở mức 26,5%, tương đương với 1/4 số trẻ em dân tộc Mông độ tuổi tiểu học không đến trường, trong đó 32,78%, tương đương 1/3 số trẻ em gái dân tộc Mông độ tuổi tiểu học không đến trường. Dân tộc Khmer có tỷ lệ TENNT độ tuổi tiểu học cao sau dân tộc Mông, ở mức 13,34%.

### **3.1.3. Thực tiễn thực hiện quyền được giáo dục trung học của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Thực tiễn những năm qua cho thấy, người thuộc DTIN ở Việt Nam đã thực hiện quyền giáo dục trung học ngày càng tốt hơn. Mạng lưới trường, lớp cấp trung học đã phát triển đến khắp các xã, huyện miền núi, vùng DTIN, hầu hết các xã đã có trường THCS hoàn chỉnh, nhiều địa phương đã chú trọng xây dựng các trường, điểm trường liên xã, trường PTDTNT, trường PTDTBT, khắc phục tình trạng học ba ca, nhà học tạm. Nhờ vậy, học sinh DTIN cấp trung học đã dễ dàng tiếp cận với trường lớp, thực hiện quyền đi học và tiếp cận với giáo dục ở bậc cao hơn. Tỷ lệ học sinh THCS, THPT ở các vùng DTIN tăng cao so với mức tăng trung bình của cả nước. Cùng với số lượng học sinh đến trường tăng, thì quyền thụ hưởng chất lượng giáo dục trung học cũng có được chú trọng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện quyền được giáo dục trung học ở học sinh DTIN cũng còn rất nhiều khó khăn. Học sinh DTIN đi học phổ thông còn thấp so với bình quân chung cả nước và không đồng đều giữa các dân tộc. Tỷ lệ trẻ em ở độ tuổi 11-17 ngoài nhà trường vẫn còn tăng; chất lượng giáo dục trong các trường THCS, THPT vùng DTIN vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước, giáo dục trung học vùng DTIN chưa “trở nên sẵn có” và “đến được với mọi người”.

### **3.1.4. Thực tiễn thực hiện quyền được giáo dục bậc cao của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Những năm gần đây, số lượng học sinh DTIN thi đỗ hoặc được tuyển thẳng vào các trường chuyên nghiệp, đại học đều tăng. Cùng với một bộ phận nhỏ học sinh có năng lực, thi đỗ vào các trường Đại học thì phần lớn học sinh DTIN tiếp cận giáo dục bậc cao thông qua chế độ dự bị đại học và cử tuyển. Tuy nhiên, so với dân tộc Kinh, người DTIN ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận giáo dục bậc cao bởi rào cản về trình độ năng lực và khoản cách về kinh tế.

### **3.1.5. Thực tiễn thực hiện quyền được giáo dục căn bản của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Trong nhiều năm qua, người thuộc DTIN được nhà nước và cộng đồng xã hội tạo các điều kiện để thực hiện quyền này để cải thiện tình trạng biết chữ, xóa mù chữ và tiếp tục học tập lên các cấp THCS và THPT. Tính chung cả nước, tỷ lệ biết chữ của thanh niên (15-25 tuổi) và người lớn từ 15 tuổi trở lên tiếp tục được cải thiện; trong 10 năm 2002-2012, tăng từ 93,08% lên 96,80%. Tuy nhiên, tỷ lệ biết chữ của thanh niên người DTIN luôn thấp hơn tỷ lệ chung của toàn quốc từ 6-15%, đối với người lớn là 5-18%. Hiện tại, theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2015-2016, tỷ lệ biết chữ đã đạt 98,1% trong nhóm tuổi từ 15 đến 35 và 96,83 % trong nhóm tuổi từ 15 đến 60. Tuy nhiên, nếu các thành phố trực thuộc Trung ương, các tỉnh ven sông Hồng và khu vực trung tâm miền bắc có kết quả tốt trong công tác xoá mù chữ thì các tỉnh miền núi, vùng DTIN lại gặp nhiều khó khăn; hiện nay, đa số người mù chữ là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 44,8 % số người mù chữ trên cả nước. Điều này cho thấy, việc tiếp nhận và thực hiện quyền giáo dục căn bản của người thuộc DTIN ở nước ta chưa đạt được hiệu quả mong muốn.

## **3.2. Thực trạng bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

### **3.2.1. Thực trạng chính trị bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã làm tốt nghĩa vụ bảo đảm về chính trị để cho người DTIN thực hiện quyền học tập. Trên thực

tiền, Đảng và Nhà nước đã xác định đúng đắn nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo nhằm định hướng cho việc tổ chức thực hiện quyền học tập của người thuộc DTIN; xác định rõ ràng các mục tiêu cho giáo dục DTIN; ban hành các chiến lược và chính sách phù hợp cho giáo dục DTIN trong từng giai đoạn, bảo đảm cung cấp cho người DTIN một nền giáo dục đáp ứng tính sẵn có, dễ tiếp cận, có thể chấp nhận và có thể thích nghi. Từ sự bảo đảm về chính trị, giáo dục DTIN đã có bước phát triển mới, 100% xã đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, nhiều nơi đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, 95% trẻ em DTIN được đến trường.

*Tuy nhiên*, trong bảo đảm về chính trị cũng còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Các chủ trương, chính sách thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng về giáo dục còn mang tính tổng quát, chưa đề ra chủ trương cụ thể cho công tác giáo dục DTIN. Thực tiễn này cần được nghiên cứu và bổ sung cho phù hợp.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu" còn chậm và lúng túng.

- Việc định hướng xây dựng, tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục - đào tạo đối với DTIN chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng; tư duy bao cấp đối với giáo dục DTIN còn nặng nề, làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, đào tạo vùng DTIN.

- Sự chỉ đạo, lãnh đạo trong phối hợp giữa các cấp ủy Đảng trong cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và gia đình nhằm bảo đảm quyền tiếp nhận giáo dục, nhất là cho trẻ em chưa chắt chẽ.

- Nguồn lực quốc gia và khả năng của phần đông gia đình đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu.

### **3.2.2. Thực trạng pháp luật bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

- Nội luật hóa, ghi nhận quyền học tập của người thuộc DTIN trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác.

- Hệ thống văn bản pháp luật quy định về chế độ, chính sách nhằm bảo đảm cho người DTIN thực hiện quyền học tập ngày càng đầy đủ.

- Hệ thống văn bản pháp luật đã quy định cụ thể hành vi, biện pháp chế tài để xử lý những hành vi vi phạm quyền học tập.

*Tuy nhiên*, trong bảo đảm về pháp luật cũng còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến quyền học tập của người thuộc DTIN chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ.

- Chính sách giáo dục DTIN được ban hành khá nhiều, nhưng phần lớn không còn phù hợp với thực tiễn.

- Quy định pháp luật về đào tạo trong hệ thống trường PTDTNT, bán trú thiếu tính liên thông giữa một số cấp học làm cho học sinh thuộc DTIN bị hạn chế cơ hội học tập lên cao.

- Quy định pháp luật về chương trình giảng dạy chưa phù hợp dẫn đến, chất lượng giáo dục vùng DTIN còn thấp so với trình độ chung và yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

### **3.2.3. Thực trạng thiết chế bảo đảm quyền học tập của người thuộc dân tộc ít người ở Việt Nam**

- Hệ thống thiết chế bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN được xây dựng, củng cố và hoàn thiện từ Trung ương tới địa phương.

- Hoạt động của các cơ quan trong hệ thống thiết chế đã góp phần xây dựng được hệ thống giáo dục đáp ứng yêu cầu không phân biệt đối xử - xét cả về mặt pháp lý và thực tiễn.

- Hoạt động của các cơ quan trong hệ thống thiết chế đã xây dựng môi trường học tập an toàn, thoáng mở, tiếng dân tộc từng bước được đưa vào giảng dạy tạo điều kiện cho học sinh DTIN được sử dụng tiếng mẹ đẻ để thực hiện quyền tiếp cận giáo dục.

- Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong hệ thống thiết chế bảo đảm, bảo vệ quyền học tập của người thuộc DTIN ngày càng kiện toàn, bổ sung về số lượng và năng lực.

*Tuy nhiên*, trong bảo đảm về thiết chế cũng còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Việt Nam chưa có cơ quan chuyên bảo vệ quyền con người nói chung và bảo vệ quyền học tập nói riêng.

- Quản lý giáo dục dân tộc vẫn còn nhiều bất cập, công bằng xã hội trong giáo dục vùng DTIN chưa được cải thiện đáng kể, việc giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức.



### **3.2.4. Thực trạng kinh tế bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN**

- Ngân sách đầu tư cho giáo dục DTIN ngày càng tăng.
- Nhà nước tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống trường lớp chuyên biệt, trang bị cơ sở vật chất bảo đảm cho học sinh DTIN thực hiện quyền tiếp cận giáo dục.
- Nhà nước dành ngân sách để cấp học bổng, miễn giảm học phí và thực hiện các chế độ hỗ trợ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục cho học sinh người thuộc DTIN.
- Nhà nước đầu tư kinh phí phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục dân tộc đáp ứng yêu cầu học tập cho người thuộc DTIN.

*Tuy nhiên*, trong bảo đảm về thiết chế cũng còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Hệ thống trường lớp, phương tiện phục vụ dạy – học chưa được đầu tư bảo đảm các yêu cầu về tính sẵn có và dễ tiếp cận
- Ngân sách dành cho đội ngũ nhà giáo, người lao động và cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đời sống
- Chi phí kinh tế liên quan đến giáo dục chưa được giải quyết một cách đầy đủ là rào cản khiến một tỷ lệ lớn người DTIN, đặc biệt là trẻ em mất đi cơ hội tiếp cận giáo dục
- Nghèo đói là rào cản kinh tế cơ bản ngăn người DTIN, đặc biệt là trẻ em DTIN thực hiện quyền đi học.

## **Chương 4**

### **PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP CỦA NGƯỜI THUỘC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY**

#### **4.1. Sự cần thiết phải tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

- Tăng cường bảo đảm quyền học tập vì sự phát triển đầy đủ của cá nhân người thuộc DTIN ở Việt Nam
- Tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo vùng DTIN

- Tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam vì yêu cầu hội nhập quốc tế về giáo dục

- Tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam vì thực trạng còn tồn tại nhiều rào cản, bất cập

#### **4.2. Phương hướng tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam**

- Thiết lập các điều kiện bảo đảm quyền học tập phù hợp với đặc thù về kinh tế-xã hội, phong tục, tập quán, tâm lý của người thuộc DTIN.

- Thiết lập các điều kiện bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN đáp ứng bốn yêu cầu cốt lõi của quyền học tập.

- Thiết lập điều kiện bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN phù hợp xu hướng quốc tế và yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục.

- Thiết lập các điều kiện bảo đảm quyền học tập đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản và học tập suốt đời của người thuộc DTIN.

#### **4.3. Một số giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay**

##### ***4.3.1. Tăng cường bảo đảm về chính trị để quyền học tập của người thuộc DTIN được thực thi đầy đủ***

- Đảng xác định rõ mục tiêu cho giáo dục DTIN; định hướng đường lối chiến lược và chính sách phù hợp cho giáo dục DTIN trong từng giai đoạn nhằm bảo đảm cho tất cả trẻ em DTIN được tiếp cận và hoàn thành giáo dục tiểu học miễn phí; đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của thanh niên và người lớn; xóa bỏ bất bình đẳng trong giáo dục DTIN; cải thiện tất cả mọi khía cạnh của chất lượng giáo dục DTIN và đảm bảo chất lượng tốt nhất.

- Đảng đề ra các nhiệm vụ chủ yếu và chỉ đạo toàn hệ thống chính trị tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, điều hành giải quyết kịp thời các rào cản, vướng mắc của giáo dục DTIN.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người nói chung, quyền học tập của người thuộc DTIN nói riêng.

- Cụ thể hóa trong cương lĩnh, chủ trương, chính sách hoặc nghị quyết của Đảng về bảo đảm, bảo vệ quyền học tập của người thuộc DTIN, trong

đó làm rõ những cam kết của hệ thống chính trị trong việc hỗ trợ người thuộc DTIN thực thi quyền của mình về học tập.

#### ***4.3.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN***

- Tăng cường ghi nhận quyền học tập của người thuộc DTIN ở Việt Nam.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo DTIN.

- Kiến nghị Quốc hội ban hành Luật Giáo dục dân tộc.

- Rà soát, hệ thống hóa và đánh giá lại tính phù hợp, tính hiệu quả của các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến quyền học tập của người thuộc DTIN.

- Sửa đổi quy định về đổi mới cơ chế tài chính đối với giáo dục DTIN

- Ban hành văn bản pháp luật đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy, học theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học là DTIN.

- Ban hành văn bản pháp luật đổi mới nguyên tắc phân luồng, liên thông hợp lý giữa các cấp học nhằm đảm bảo nhu cầu học tập của người thuộc DTIN.

#### ***4.3.3. Củng cố, kiện toàn thiết chế bảo đảm quyền học tập; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vùng DTIN***

- Củng cố, kiện toàn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống thiết chế bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục DTIN; phát hiện và giải quyết kịp thời các rào cản nhằm bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN.

#### ***4.3.4. Tăng cường đầu tư ngân sách, thực hiện các chương trình, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng DTIN và huy động các nguồn lực tài chính thực hiện xã hội hóa giáo dục DTIN, từng bước tháo gỡ các rào cản về kinh tế***

- Tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục DTIN.

- Tăng cường thực hiện xã hội hóa giáo dục vùng DTIN.

- Tiếp tục đầu tư, thực hiện các chương trình, chiến lược phát triển kinh tế xã hội vùng DTIN.

#### ***4.3.5. Nâng cao nhận thức của người DTIN về quyền học tập***

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống trường, lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện vùng DTIN.
- Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu giáo dục vùng dân tộc.
- Tăng cường giáo dục quyền học tập, nâng cao nhận thức của người thuộc DTIN về vai trò của giáo dục
- Nâng cao nhận thức của công chức, viên chức về trách nhiệm đối với việc bảo đảm quyền học tập của người thuộc DTIN
- Nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà giáo về vai trò, ảnh hưởng của họ đối với khả năng tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập của người thuộc DTIN
- Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của người có uy tín trong bản làng dân tộc nhằm thực hiện công tác vận động, tuyên truyền quyền học tập trong cộng đồng người thuộc DTIN

#### ***4.3.6. Một số giải pháp khác***

- Tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTIN; nghiên cứu, sử dụng rộng rãi phương pháp thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ.
- Củng cố và phát triển hệ thống trường, lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện giáo dục vùng DTIN
- Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy-học theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của chủ thể quyền là người thuộc DTIN
- Đổi mới nguyên tắc phân luồng, liên thông hợp lý giữa các cấp học nhằm đảm bảo nhu cầu học tập của người thuộc DTIN

## KẾT LUẬN

1. Quyền học tập của người thuộc DTIN là quyền cơ bản của công dân thuộc DTIN được tiếp nhận, thụ hưởng một cách bình đẳng việc giảng dạy, đào tạo, hướng dẫn từ cơ bản đến nâng cao; được học mọi lúc, mọi nơi, thường xuyên, suốt đời mà không một ai có thể ngăn cản hay hạn chế, không bị giới hạn bởi lứa tuổi, giới tính, tôn giáo, thành phần xuất thân hay địa vị xã hội nhằm trau dồi kiến thức và phát triển trí tuệ, thỏa mãn các nhu cầu cuộc sống, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cũng như để bảo vệ và thực hiện các quyền khác của người thuộc DTIN; được nhà nước tôn trọng, ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện.

2. Nội dung cơ bản quyền học tập của người thuộc DTIN được khẳng định đối với mọi cá nhân dưới các dạng hành vi nhất định của nhà nước, bao gồm các quyền của cá nhân và nghĩa vụ của nhà nước nhằm bảo đảm quyền này được thực thi đạt được các tiêu chuẩn: giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí; giáo dục trung học sẵn có và có thể tiếp cận; giáo dục bậc cao hơn có thể tiếp cận được dựa trên cơ sở năng lực; giáo dục cơ bản được đẩy mạnh với những người chưa học xong giáo dục tiểu học.

3. Quyền học tập của người thuộc DTIN có những đặc điểm riêng xuất phát từ những đặc thù về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và bản sắc văn hóa của DTIN Việt Nam. Đặc điểm nổi bật nhất chính là đặc điểm về chủ thể quyền – người thuộc DTIN, người thuộc nhóm dễ bị tổn thương, họ cần được quan tâm, bảo vệ đặc biệt.

4. Quyền học tập nói chung và quyền học tập của người thuộc DTIN có cơ sở vững chắc trong luật pháp quốc tế, được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế quan trọng. Việt Nam đã nội luật hóa nhiều nội dung của pháp luật quốc tế về quyền học tập của công dân nói chung và người thuộc DTIN nói riêng, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để người thuộc DTIN tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập.

5. Nhà nước Việt Nam tạo các điều kiện về chính trị, luật pháp, kinh tế để bảo đảm cho người thuộc DTIN thực hiện quyền học tập. Từ những bảo đảm này, người thuộc DTIN ở Việt Nam đã thực hiện quyền học tập ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, thực tiễn bảo đảm quyền học tập của người DTIN ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. So với dân tộc Kinh thì việc thực

hiện quyền học tập của người thuộc DTIN vẫn còn chưa đầy đủ. Có nhiều rào cản và khó khăn đang tác động trực tiếp đến mức độ tiếp nhận và thụ hưởng quyền học tập của người DTIN ở Việt Nam, dù nhà nước đã đầu tư rất nhiều nguồn lực để cải thiện tình trạng này.

6. Kinh nghiệm thực tiễn giáo dục DTIN các nước, đặc biệt các nước trong khu vực Châu Á đã chỉ ra rằng cơ chế, chính sách ưu đãi có tiềm năng lớn trong việc hỗ trợ các nhóm DTIN đạt được mục tiêu giáo dục mong muốn. Tuy nhiên, kinh nghiệm của từng nước cho thấy vẫn có những ưu, nhược khác nhau mà đòi hỏi nhà hoạch định chính sách phải có sự xem xét, nghiên cứu khi vận dụng vào điều kiện Việt Nam cho phù hợp với điều kiện đặc thù từng vùng, từng dân tộc.

7. Luận án đã đề xuất 06 nhóm giải pháp lớn liên quan đến các vấn đề về chính sách, pháp luật, cơ chế tài chính, hệ thống giáo dục, nguồn lực, vật lực và cả nhận thức của các bên có liên quan. Những giải pháp mà luận án đề xuất, nếu được nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn sẽ góp phần xóa bỏ các rào cản, tạo điều kiện bảo đảm cho người thuộc DTIN tiếp cận và thụ hưởng quyền học tập một cách đầy đủ, hướng đến thụ hưởng nền giáo dục chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế./.